TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-12-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn và nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: ông Trần Thanh Hoàng; ông Phạm Thanh Hải.

***Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Cẩm Tiên, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 321/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1996; nơi cư trú: tổ E, khóm C, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1985; nơi cư trú: khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và bị đơn ông Phạm Ngọc V có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày*: bà và ông V tự tìm hiểu, yêu thương nhau nên tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận số 40/2017, ngày 15/5/2017. Sau khi kết hôn bà và ông V sống cùng gia đình chồng tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Khoảng năm 2023, bà và hai con về sống chung với cha mẹ ruột tại khóm C, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông V không quan tâm đến vợ con, không chịu lo làm ăn, tụ tập hút chích ma tuý, hiện đang cai nghiện

tại Trung tâm Cai nghiện ma túy tỉnh A tại xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Nay thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc V.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Phạm Ngọc V có 02 (hai) con chung tên Phạm Ngọc Gia M, sinh ngày 28/5/2017 và Phạm Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 03/11/2020. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung; không yêu cầu ông Phạm Ngọc V cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Căn cước công dân cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ H và Phạm Ngọc V (bản photo); Giấy khai sinh cấp cho Phạm Ngọc Gia M và Phạm Nguyễn Ngọc Đ (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản tự khai (bản chính).

- *Bị đơn ông Phạm Ngọc V*: Ngày 30/10/2024 ông Phạm Ngọc V trình bày hiện đang cai nghiện tại Trung tâm Cai nghiện ma túy tỉnh A tại xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Năm 2017, ông xác định có đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà H. Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Ngọc Gia M, sinh ngày 28/5/2017 và Phạm Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 03/11/2020, nếu ly hôn ông đồng ý giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa,

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc V, có nơi cư trú tại khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Phạm Ngọc V có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Phạm Ngọc V chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, ngày 15/5/2017 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng bà Phạm Thị Thùy D và ông Phạm Ngọc V đã không còn sống chung và không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông Phạm Ngọc V đang chấp hành cai nghiện tại Cơ sở Cai nghiện ma tuý tỉnh An Giang, do đó Toà án không tiến hành hoà giải được, tuy nhiên ông V cũng đồng ý lý hôn và thống nhất với yêu cầu của bà H. Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: bà Nguyễn Thị Mỹ H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Phạm Ngọc Gia M, sinh ngày 28/5/2017 và Phạm Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 03/11/2020. Ông V thống nhất giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng, do đó tiếp tục giao cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định; bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H.

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Phạm Ngọc V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Phạm Ngọc Gia M, sinh ngày 28/5/2017 và Phạm Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 03/11/2020; ông Phạm Ngọc V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Phạm Ngọc V quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011904 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên; bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí; ông Phạm Ngọc V không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (1);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- UBND phường Tịnh Biên (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ